TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 378/2017/DS-ST
Ngày: 26-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2017/TLST-DSST ngày 24 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2017/QĐST-DS ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X
Địa chỉ: Tầng C tòa nhà V số N đường L, phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Thế M – Phó Phòng khách hàng, chi nhánh Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).
(Theo văn bản ủy quyền số 13/2017/EIB-Q4 ngày 10/3/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X- chi nhánh Quận 4).

Bị đơn: Bà Hà Minh H (vắng mặt).
Địa chỉ: số A đường H, Phường V, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: ngày 30/5/2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần X với Bà Hà Minh H ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tính dụng quốc tế (Visa Gold), hạn mức tín dụng tối đa là 50.000.000 đồng. Theo đó ngày 02/6/2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phát hành thẻ quốc tế (Visa Gold) cho bà H, số thẻ VG 880532.

Quá trình sử dụng, chủ thẻ bà H đã dùng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh (tạm tính đến 08/7/2016, ngày khóa thẻ đối với bà H) với số tiền cụ thể:

Nợ gốc là 242.115.335 đồng

Nợ lãi 18.359.100 đồng, nợ phí là 5.551.692 đồng.

Tổng số tiền nợ là 266.026.127 đồng.

Số tiền bà H đã thanh toán cho Ngân hàng là 217.584.000 đồng, (gốc là 194.793.951 đồng, lãi là 17.810.049, Phí là 4.980.000 đồng).

Số tiền bà H còn nợ là 48.442.127 (gồm nợ gốc là 47.321.384 đồng, nợ lãi 549.051 đồng, phí là 571.692 đồng).

Bị đơn Bà Hà Minh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đặng Thế M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền còn nợ là 82.739.494 đồng, trong đó nợ gốc: 47.321.384 đồng, nợ lãi 18.116.237 đồng, nợ phí là 17.301.873 đồng.

Lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 27/9/2017 cho đến khi Bà Hà Minh H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí do ngân hàng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà Hà Minh H thanh toán số tiền gốc là 47.321.384 đồng, tiền lãi và phí do hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X yêu cầu bị đơn Bà Hà Minh H trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp về hợp vay tài sản". Do bị đơn Bà Hà

Minh H cư trú tại Quận 10, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Xét xử vắng mặt bị đơn Bà Hà Minh H, theo kết quả xác minh của Công an Phường 12, Quận 10, thì Bà Hà Minh H có hộ khẩu thường trú tại: 75/7A đường Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, nhưng thực tế không cư ngụ tại địa phương, đã bán nhà từ năm 2015, chuyển đi đâu không rõ. Nên căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 về "Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án", thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Xét, bị đơn Bà Hà Minh H đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Bà Hà Minh H.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/5/2014 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X với chủ thẻ Bà Hà Minh H có cơ sở để xác định bà H có sử dụng thẻ Visa Gold của ngân hàng với hạn mức là 50.000.000 đồng. Theo nội dung trong hợp đồng thì bà H cam kết sử dụng thẻ theo đúng quy định trong hợp đồng với Ngân hàng, chịu mọi trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan đến việc sử dụng thẻ được Ngân hàng cấp. Ngày 02/6/2014 Bà Hà Minh H đã ký nhận thẻ và cam kết "đã đọc, hiểu và chấp nhận các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ". Theo đó bà H phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và các khoản lãi, phí phát sinh nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Xét, tại các bản sao kê do Ngân hàng cung cấp, thể hiện chủ thẻ bà H đã sử dụng thẻ tín dụng nói trên để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh tính từ ngày Ngân hàng phát hành thẻ (02/6/2014) đến ngày 08/7/2016 (ngày Ngân hàng khóa thẻ), bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 217.584.000 đồng, (trong gốc là 194.793.951 đồng, lãi là 17.810.049, phí là 4.980.000 đồng), còn nợ số tiền là 48.442.127 (gồm nợ gốc là 47.321.384 đồng, nợ lãi là 549.051 đồng, nợ phí là 571.692 đồng).

Tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (08/7/2016) cho đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2017, chủ thẻ bà H còn nợ số tiền là 82.739.494 đồng, trong đó nợ gốc: 47.321.384 đồng, nợ lãi 18.116.237 đồng, phí là 17.301.873 đồng.

[4]. Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ các Thông báo biểu phí phát hành và sử dụng thẻ số 1488/2007/EIB/TB- TGĐ ngày 28/12/2007 hiệu lực ngày 02/01/2008 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X quy định các mức phí đối với loại thẻ bà H sử dụng, thì phí trễ hạn thanh toán là 3%/ số tiền thanh toán tối thiểu là 50.000 đồng, phí sử dụng vượt hạn mức là 15%/năm/số tiền vượt hạn mức, phí rút tiền mặt là 3%/ số tiền giao dịch, tối thiểu là 60.000 đồng. Thông báo số 920/2011/EIB/QLT ngày 28/04/2011 về triển khai dịch vụ SMS Alert thẻ quốc tế của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thì khoản phí 8.800 đồng/thẻ/số thuê bao. Thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ số 817/2012/EIB/TB-P.QLT ngày 12/04/2012, hiệu lực ngày 15/4/2012 thì phí thường niên đối với loại thẻ bà H sử dụng là 400.000 đồng. Thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ số 1887/2016/EIB/TB-P.QLT ngày 10/9/2012 thì phí tài chính (lãi vay) áp dụng đối với loại thẻ quốc tế của bà H là 19.20%/năm, tương đương 1.6%/tháng Và thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ số 637/2016/EIB/TB-P.QLT ngày 13/04/2016 thì phí tài chính (lãi vay) áp dụng đối với các loại thẻ quốc tế là 22.8%/năm, tương đương 1.9%/tháng.

Qua đó cho thấy lãi suất áp dụng của Ngân hàng có thấp hơn và có lúc cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác". Nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín tụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Và theo thỏa thuận hợp đồng sử dụng thẻ nói trên, bà H đồng ý ký hợp đồng và cam kết "đã dọc, hiểu và chấp nhận các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ" là bà H mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi, và các khoản phí theo quy định của ngân hàng.

[5]Về thời hạn thanh toán:

Do Bà Hà Minh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ, nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, buộc bà H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 82.739.494 đồng và chịu các khoản lãi, phí phát sinh kể từ ngày 27/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định của ngân hàng.

[6]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các điều 465, 466, khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Bà Hà Minh H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền là 82.739.494 đồng (tám mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng).

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 19/7/2017 cho đến khi Bà Hà Minh H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định của ngân hàng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm là 4.136.974 đồng (bốn triệu một trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi bốn đồng), Bà Hà Minh H phải chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.509.508 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001373 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân